TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2024/DS-ST
Ngày: 31-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976; địa chỉ: 2 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đào Hồng V1, sinh năm: 1966; địa chỉ: 8 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: 2 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2024, bản khai ngày 25/11/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Minh V và người đại diện theo ủy quyền là bà Đào Hồng V1 trình bày:

Vào năm 2020, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có mua thức ăn tại cửa hàng của ông Phạm Minh V để nuôi tôm và còn nợ lại ông V số tiền 39.040.000 đồng. Đến ngày 01/4/2020, bà B ký giấy xác nhận nợ với ông V và có hứa vụ tôm sau tối đa 12 tháng sẽ trả số tiền trên cho ông V. Sau khi đến hạn trả nợ ông T, bà B không trả tiền cho ông V nên đến ngày 21/5/2021 ông T có ký giấy hứa hẹn mỗi tháng sẽ trả cho ông V 3.000.000 đồng, nếu ông T, bà B không thực hiện việc trả dần hàng tháng như cam kết thì sẽ trả lãi cho ông V theo quy định của Nhà nước nhưng từ ngày ký hứa đến nay, ông T, bà B không trả cho ông V khoản tiền nào,

ông V có nhiều lần yêu cầu ông T, bà B trả cho ông V số tiền gốc và tiền lãi như cam kết nhưng ông T, bà B vẫn không có thiện chí trả nợ cho ông V. Việc này ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V.

Nay ông Phạm Minh V yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V số tiền nợ gốc là 39.040.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 22/5/2021 đến ngày 22/11/2024 là 42 tháng, lãi suất 0.83%/ tháng, số tiền lãi là 13.609.344 đồng. Tổng số tiền ông Phạm Minh V yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho ông V là 52.649.344 đồng. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B trả tiền mua bán còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B cư trú tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Đào Hồng V1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đào Hồng V1. Đối với bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B.

[3] Về nội dung tranh chấp: theo nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Minh V, yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán còn nợ, gồm nợ gốc là 39.040.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/5/2021 đến ngày 22/11/2024 là 42 tháng, lãi suất 0.83%/ tháng, số tiền lãi 13.609.344 đồng. Tổng số tiền ông Phạm Minh V yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho ông V là 52.649.344 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc văn bản có tiêu đề "Biên nhận" đề ngày 1/4/2020 và ngày 21/5/2021 có nội dung như sau: *"...Tôi tên Phạm Văn T: 1964 vợ tôi Nguyễn Thị B: 1966, địa chỉ: 2 ấp B, xã M, T, Bến*

Tre, có nợ ông Phạm Minh V: 1976 số nhà B ấp T, M, T, Bến Tre số tiền 39.040.000 đồng (ba mươi chín triệu không trăm bốn chục ngàn đồng hẹn tới vụ tôm sau trả vứt điểm) tối đa 12 tháng…Tôi hứa từ đây mỗi tháng trả cho ông V 3.000.000 đồng (ba triệu đồng đến khi hết nợ) nếu tôi có làm sai tôi hoàn toàn chịu lãi cho ông và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật…". Biên nhận này có chữ ký và họ tên của bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn T.

[5] Trong quá trình tố tụng, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tống đạt đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B không có ý kiến trình bày đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và vắng không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, điều này xem như bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[6] Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Phạm Minh V với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B chưa thanh toán cho ông Phạm Minh V số tiền mua bán 39.040.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Minh V. Do đó, cần buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V số tiền 39.040.000 đồng là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu tính lãi suất nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B trả tiền lãi, tính từ ngày 22/5/2021 đến ngày 22/11/2024 là 42 tháng, lãi suất 0.83%/ tháng, số tiền lãi 13.609.344 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên nên được chấp nhận. Tổng cộng số tiền ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V là 52.649.344 đồng.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V được chấp nhận nên ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 52.649.344 đồng x 5% = 2.632.467 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 357, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V đối với bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V số tiền mua bán còn nợ tổng cộng là 52.649.344 đồng, trong đó nợ gốc là 39.040.000 đồng và tiền lãi là 13.609.344 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới nộp 2.632.467 đồng.

Ông Phạm Minh V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.283.000 đồng theo biên lai thu số 0003536 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú